

ETS 1200 – PART 3 – SCRIPT & TRANS – TEST 01

<p>Questions 41-43 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Am) Hi Kyoko, it's Ann. ⁴¹What are you doing this weekend? I thought we might go hiking on Saturday.</p> <p>(W-Br) Sounds like fun, Ann, but ⁴²my sister is visiting from out of town, and ⁴¹I'm taking her to the art museum on Saturday.</p> <p>(W-Am) Oh, ⁴³I know your sister will really enjoy the art museum. I was just there last week. The new sculpture garden is really worth seeing.</p>	<p>Câu hỏi 41-43 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Am) Xin chào Kyoko, tôi là Ann. Cuối tuần này bạn định làm gì ? Tôi nghĩ chúng ta có thể dạo bộ đường dài vào thứ Bảy.</p> <p>(W-Br) Nghe có vẻ thú vị đấy, Ann, nhưng em gái tôi từ ngoài thị trấn sẽ đến thăm tôi, và tôi định sẽ đưa nó đi bảo tàng nghệ thuật vào thứ Bảy.</p> <p>(W-Am)Ồ, tôi nghĩ em gái của bạn sẽ rất thích bảo tàng nghệ thuật đó. Hồi tuần trước tôi đã đến đó. Khu trưng bày tượng thì rất đáng xem.</p>
<p>41. What are the speakers mainly discussing?</p> <p>(A) A recent vacation (B) An art class (C) Plans for the weekend (D) Their work schedules</p> <p>42. Who is visiting Kyoko?</p> <p>(A) Her sister (B) Her daughter (C) Her mother (D) Her aunt</p> <p>43. What did Ann do last week?</p> <p>(A) She visited a museum. (B) She worked overtime. (C) She saw a play. (D) She went biking.</p>	<p>41. Những người này chủ yếu đang thảo luận về việc gì?</p> <p>(A) Một kì nghỉ gần đây (B) Một lớp học nghệ thuật (C) Những kế hoạch cho cuối tuần (D) Lịch trình làm việc của họ</p> <p>42. Ai sẽ đến thăm Kyoko?</p> <p>(A) Em gái của cô ấy (B) Con gái của cô ấy (C) Mẹ của cô ấy (D) Dì của cô ấy</p> <p>43. Tuần trước Ann đã làm gì?</p> <p>(A) Cô ấy đã đến tham quan bảo tàng. (B) Cô ấy đã làm việc ngoài giờ. (C) Cô ấy đã xem một vở kịch. (D) Cô ấy đã đi xe đạp.</p>

<p>Questions 44-46 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Br) Daniel, ⁴⁴can you give me a ride home after work today? My car's still in the shop.</p> <p>(M-Br) Sorry, but I'm leaving work early today. ⁴⁵I have a dentist's appointment this afternoon at three.</p> <p>(W-Br) Oh. Well, in that case, I can take the bus. It's only a short walk to the bus stop from here, right?</p> <p>(M-Br) Yes, it's not far. ⁴⁶And, plus it looks like the rain has stopped and the sun is finally out.</p>	<p>Câu hỏi 44-46 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Br) Daniel, anh có thể cho tôi quá giang về nhà sau khi xong việc hôm nay không? Xe hơi của tôi vẫn đang ở tiệm.</p> <p>(M-Br) Xin lỗi cô, nhưng hôm nay tôi sẽ xong việc sớm. Tôi có hẹn với nha sĩ chiều nay vào lúc 3 giờ.</p> <p>(W-Br)Ồ. Trong trường hợp đó thì tôi có thể sẽ bắt xe buýt. Từ đây đi bộ ra bến xe buýt cũng gần phải không?</p> <p>(M-Br) Đúng thế, không xa đâu. Và thêm vào đó là có vẻ như trời đã tạnh mưa và nắng đã trở lại.</p>
<p>44. What does the woman ask for?</p> <p>(A) A ride home</p> <p>(B) A bus schedule</p> <p>(C) An umbrella</p> <p>(D) Advice about a car</p> <p>45. Where does the man need to go at three o'clock?</p> <p>(A) To the bus stop</p> <p>(B) To the train station</p> <p>(C) To the auto shop</p> <p>(D) To the dentist's office</p> <p>46. What does the man say about the weather?</p> <p>(A) It is cold.</p> <p>(B) It is raining.</p> <p>(C) It is windy.</p> <p>(D) It is sunny.</p>	<p>44. Người phụ nữ yêu cầu cái gì?</p> <p>(A) Đi quá giang về nhà</p> <p>(B) Lịch trình xe buýt</p> <p>(C) Một cái dù</p> <p>(D) Lời khuyên về xe hơi</p> <p>45. Người đàn ông cần phải đến đâu vào lúc 3 giờ?</p> <p>(A) Đến trạm xe buýt</p> <p>(B) Đến ga tàu hỏa</p> <p>(C) Đến cửa hàng xe hơi</p> <p>(D) Đến văn phòng nha sĩ</p> <p>46. Người đàn ông nói gì về thời tiết?</p> <p>(A) Trời lạnh.</p> <p>(B) Trời đang mưa.</p> <p>(C) Trời có gió.</p> <p>(D) Trời có nắng.</p>

<p>Questions 47-49 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Br) Hi, Ms. Higuchi. ⁴⁷This is John Westfield from Trident Mobile Telephone Services. ⁴⁸We've noticed that you haven't paid your bill in two months.</p> <p>(W-Am) Yes, I haven't been receiving my bills. Do you have my correct address? I've recently moved.</p> <p>(M-Br) ⁴⁹Our database lists your mailing address as one fourteen Carson Avenue. Is that correct?</p> <p>(W-Am) ⁴⁹No, I've moved. I thought I let everyone know, but I must have forgotten about mobile phone bill. Let me correct that for you.</p>	<p>Câu hỏi 47-49 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Br) Xin chào cô Higuchi. Tôi là John Westfield đến từ Dịch vụ Điện thoại Trident. Chúng tôi thấy rằng cô đã chưa thanh toán hoá đơn trong 2 tháng.</p> <p>(W-Am) Đúng vậy, tôi đã không nhận được hoá đơn. Anh có địa chỉ chính xác của tôi không? Gần đây tôi đã chuyển đi.</p> <p>(M-Br) Cơ sở dữ liệu của chúng tôi cho thấy địa chỉ mail của cô là 1 14 Carson Avenue. Có đúng không?</p> <p>(W-Am) Không, tôi đã chuyển đi rồi. Tôi nghĩ là tôi đã cho tất cả mọi người biết, nhưng chắc hẳn tôi đã sót hoá đơn điện thoại. Tôi sẽ gửi địa chỉ chính xác cho anh.</p>
<p>47. Who most likely is the man?</p> <p>(A) A mobile phone company employee (B) A post office employee (C) A bank manager (D) A computer programmer</p> <p>48. Why did the man call the woman?</p> <p>(A) To advertise a store opening (B) To ask about unpaid bills (C) To ask for a form (D) To offer a special discount</p> <p>49. What will the woman probably give the man?</p> <p>(A) Directions to a building (B) An order for supplies (C) Her mailing address (D) An account number</p>	<p>47. Người đàn ông là ai?</p> <p>(A) Một nhân viên của công ty điện thoại (B) Một nhân viên bưu điện (C) Một người quản lý ngân hàng (D) Một lập trình viên</p> <p>48. Tại sao người đàn ông lại gọi cho người phụ nữ?</p> <p>(A) Để quảng cáo khai trương cửa hàng (B) Để hỏi về các hoá đơn chưa thanh toán (C) Để yêu cầu một mẫu đơn (D) Để cung cấp sự giảm giá đặc biệt</p> <p>49. Người phụ nữ có thể sẽ cung cấp cho người đàn ông cái gì?</p> <p>(A) Chỉ đường đến một toà nhà (B) Một đơn đặt hàng (C) Địa chỉ mail của cô ấy (D) Số tài khoản</p>

<p>Questions 50-52 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Br) ⁵⁰Are you interested in seeing that new play by Joan Watson at the Carter Theater? My husband and I are planning to go.</p> <p>(M-Am) I've heard the acting and the sets are wonderful, ⁵¹but I just went to the opera, and I don't know if I can afford it right now.</p> <p>(W-Br) Well, ⁵²I'm calling the theater in a few minutes to order tickets, so I can let you know if there are any seats still available at a reasonable price.</p> <p>(M-Am) That would be great. Then I can decide if I want to go or not.</p>	<p>Câu hỏi 50-52 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Br) Anh có muốn xem vở kịch mới của Joan Watson tại Rạp hát Carter không? Tôi và chồng tôi dự định đến xem.</p> <p>(M-Am) Tôi đã nghe nói diễn xuất và cảnh quay rất tuyệt, nhưng tôi vừa mới đến nhà hát ô-pê-ra, và tôi không biết liệu mình có đủ tiền đi xem kịch không nữa.</p> <p>(W-Br) Tôi sẽ gọi cho rạp hát trong vài phút để đặt vé, vì vậy tôi sẽ cho anh biết nếu như còn chỗ ngồi với mức giá phải chăng.</p> <p>(M-Am) Thế thì tuyệt quá. Sau đó tôi có thể quyết định đi hoặc không.</p>
<p>50. What are the speakers discussing?</p> <p>(A) A play (B) A dance performance (C) A film (D) A concert</p> <p>51. What is the man concerned about?</p> <p>(A) The length of the show (B) The quality of the performance (C) The cost of the tickets (D) The location of the theater</p> <p>52. What will the woman probably do next?</p> <p>(A) Call to order tickets (B) Read a review of the show (C) Go to the ticket office (D) Check the schedule online</p>	<p>50. Những người này đang bàn về điều gì?</p> <p>(A) Một vở kịch (B) Một phần trình diễn khiêu vũ (C) Một bộ phim (D) Một buổi hoà nhạc</p> <p>51. Người đàn ông lo lắng về điều gì?</p> <p>(A) Thời lượng của chương trình (B) Chất lượng của buổi biểu diễn (C) Giá vé (D) Vị trí của rạp hát</p> <p>52. Người phụ nữ sẽ làm gì tiếp theo?</p> <p>(A) Gọi để đặt vé (B) Đọc một nhận xét về chương trình (C) Đi đến quầy bán vé (D) Kiểm tra lịch chiếu trực tuyến</p>

<p>Questions 53-55 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Am) Hi, Maria. ⁵³Have you had any luck finding a place to stay during the conference this weekend?</p> <p>(W-Am) No, ⁵⁴I've been on the phone all morning trying to find a room, but everything in the center of Houston is booked.</p> <p>(M-Am) ⁵⁵You know Mr. Yakamoto from the marketing department? Well, he's going too, and he said he found a hotel fifteen minutes outside the city that has plenty of space. You might want to give him a call.</p> <p>(W-Am) Oh, that's great. ⁵⁵I'll call him right now and get more details.</p>	<p>Câu hỏi 53-55 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Am) Chào Maria. Cô có gặp may khi tìm một nơi để ở trong thời gian hội thảo cuối tuần này không?</p> <p>(W-Am) Không, tôi đã gọi điện thoại cả buổi sáng để cố gắng tìm một căn phòng, nhưng mọi phòng ở trung tâm Houston đã được đặt hết.</p> <p>(M-Am) Cô biết anh Yakamoto ở bộ phận tiếp thị không? Anh ấy cũng tham dự hội nghị, và danh ấy nói đã tìm được một khách sạn ngoài thành phố và có nhiều không gian trống. Có thể cô sẽ muốn gọi cho anh ấy.</p> <p>(W-Am)Ồ tuyệt quá. Tôi sẽ gọi cho anh ấy ngay để hỏi chi tiết.</p>
<p>53. What will the woman do in Houston?</p> <p>(A) Go sightseeing (B) Visit a friend (C) Attend a conference (D) Meet with a client</p> <p>54. What does the woman need to do?</p> <p>(A) Reschedule a meeting (B) Reserve a hotel room (C) Make flight arrangements (D) Buy a map</p> <p>55. Who will the woman probably call next?</p> <p>(A) A coworker (B) A hotel operator (C) A travel agent (D) A car rental company</p>	<p>53. Người phụ nữ sẽ làm gì ở Houston?</p> <p>(A) Đi tham quan ngắm cảnh (B) Thăm một người bạn (C) Tham dự một hội thảo (D) Gặp gỡ một khách hàng</p> <p>54. Người phụ nữ cần phải làm gì?</p> <p>(A) Sắp xếp lại một cuộc họp (B) Đặt trước một phòng khách sạn (C) Sắp xếp một chuyến bay (D) Mua một tấm bản đồ</p> <p>55. Người phụ nữ sẽ gọi ai tiếp theo?</p> <p>(A) Một đồng nghiệp (B) Một người điều hành khách sạn (C) Một nhân viên du lịch (D) Một công ty cho thuê xe hơi</p>

<p>Questions 56-58 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Am) ⁵⁶Do you want to try lunch at the new restaurant near the ice cream shop?</p> <p>(M-Br) Oh, I went there last week and I wasn't very impressed. ⁵⁷There were too many people and there wasn't enough space between the tables.</p> <p>(W-Am) Really. That's too bad. What do you want to do?</p> <p>(M-Br) Well, ⁵⁸let's order sandwiches and take them to the park since it's a beautiful day to sit outside.</p>	<p>Câu hỏi 56-58 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Am) Anh có muốn ăn thử tại nhà hàng mới gần tiệm kem không?</p> <p>(M-Br)Ồ, tuần trước tôi đã đến đó và tôi không có ấn tượng lắm. Đã có quá nhiều người và không có đủ chỗ ngồi.</p> <p>(W-Am) Thật sao. Điều đó thật tồi tệ. Giờ anh muốn làm gì?</p> <p>(M-Br) Chúng ta hãy gọi sandwich và mang ra ngoài công viên vì hôm nay là một ngày đẹp trời để ra ngoài.</p>
<p>56. Where does the woman suggest going?</p> <p>(A) To a restaurant</p> <p>(B) To a coffee shop</p> <p>(C) To an ice cream shop</p> <p>(D) To a company cafeteria</p> <p>57. What does the man say about the dining area?</p> <p>(A) It is expensive.</p> <p>(B) It is crowded.</p> <p>(C) The food is bad.</p> <p>(D) The service is low.</p> <p>58. What will they probably do next?</p> <p>(A) Eat at a sandwich shop</p> <p>(B) Buy some ice cream</p> <p>(C) Return to the office</p> <p>(D) Go to a park</p>	<p>56. Người phụ nữ đề nghị đi đâu?</p> <p>(A) Đến một nhà hàng</p> <p>(B) Đến một tiệm cà phê</p> <p>(C) Đến một tiệm kem</p> <p>(D) Đến một quán ăn tự phục vụ</p> <p>57. Người đàn ông nói gì về khu vực ăn uống?</p> <p>(A) Chỗ đó có giá đắt đỏ</p> <p>(B) Chỗ đó đông đúc</p> <p>(C) Đồ ăn ở đó dở</p> <p>(D) Dịch vụ kém</p> <p>58. Họ sẽ làm gì tiếp theo?</p> <p>(A) Ăn tại một tiệm sandwich</p> <p>(B) Mua một ít kem</p> <p>(C) Trở về văn phòng</p> <p>(D) Đến công viên</p>

<p>Questions 59-61 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Br) Hello, ⁶⁰I'm calling about an advertisement in Friday's newspaper for a two-bedroom house on Jasmin Street. Is it still available?</p> <p>(W-Am) I'm sorry, ⁵⁹we rented that house a couple of days ago. However, we have a very similar one nearby that's vacant.</p> <p>(M-Br) Great. Could I visit it sometime tomorrow?</p> <p>(W-Am) Let me check. Yes, ⁶¹I can show it to you at two o'clock. Does that work for you?</p>	<p>Câu hỏi 59-61 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Br) Xin chào, tôi gọi điện để nói về một quảng cáo trên tờ báo ngày thứ Sáu về một căn nhà có 2 phòng ngủ trên phố Jasmin. Nó vẫn còn khả dụng chứ?</p> <p>(W-Am) Tôi rất tiếc, một vài ngày trước chúng tôi đã cho thuê ngôi nhà đó. Tuy nhiên, chúng tôi còn một căn nhà tương tự gần đó và vẫn còn trống.</p> <p>(M-Br) Tuyệt quá. Tôi có thể đến xem nhà vào ngày mai không?</p> <p>(W-Am) Để tôi kiểm tra xem. Được, tôi có thể cho bạn xem nhà vào 2 giờ. Lúc đó có được không?</p>
<p>59. Where most likely does the woman work?</p> <p>(A) At an employment agency (B) At a travel agency (C) At a property rental agency (D) At an advertising agency</p> <p>60. Where did the man read the advertisement?</p> <p>(A) On a bulletin board (B) On a Web site (C) In a brochure (D) In a newspaper</p> <p>61. What time does the woman suggest the speakers meet?</p> <p>(A) At 12:00 noon (B) At 2:00 P.M. (C) At 4:00 P.M. (D) At 6:00 P.M.</p>	<p>59. Người phụ nữ rất có thể làm việc ở đâu?</p> <p>(A) Tại một đại lý tuyển dụng (B) Tại một đại lý du lịch (C) Tại một đại lý cho thuê nhà đất (D) Tại một đại lý quảng cáo</p> <p>60. Người đàn ông đã đọc quảng cáo ở đâu?</p> <p>(A) Trên bảng thông báo (B) Trên một trang web (C) Trên một tờ quảng cáo (D) Trên một báo</p> <p>61. Người phụ nữ đề nghị gặp mặt lúc mấy giờ?</p> <p>(A) Lúc 12:00 giữa trưa (B) Lúc 2 giờ chiều (C) Lúc 4 giờ chiều (D) Lúc 6 giờ chiều</p>

<p>Questions 62-64 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Am) Hi, Lillian. ⁶²I just stopped by to see if you had time to discuss the sales report.</p> <p>(W-Br) Sure. But before we talk about that, I want to tell you that I've checked the budget, and we can actually afford to hire extra help. ⁶³Do you still need a part-time secretary in your department?</p> <p>(M-Am) Yes, we do. Sandy will be delighted. She's been overwhelmed for the past month.</p> <p>(W-Br) Good, that's settled then. ⁶⁴Could you call the newspaper today and place an ad?</p>	<p>Câu hỏi 62-64 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Am) Xin chào, Lillian. Tôi vừa mới ghé qua để xem thử cô có thời gian để thảo luận về báo cáo bán hàng không.</p> <p>(W-Br) Chắc chắn rồi. Nhưng trước khi chúng ta nói về chuyện đó, tôi muốn nói với anh rằng tôi đã kiểm tra ngân sách, và thực ra chúng ta có thể thuê thêm sự trợ giúp. Anh vẫn cần một thư kí bán thời gian tại bộ phận của mình chứ?</p> <p>(M-Am) Đúng vậy. Sandy sẽ hài lòng. Cô ấy đã ngập với công việc cả tháng nay.</p> <p>(W-Br) Tốt, điều đó sẽ được cải thiện. Anh có thể vui lòng gọi cho tờ báo hôm nay và đăng quảng cáo không?</p>
<p>62. Why did the man go to the woman's office?</p> <p>(A) To discuss a report (B) To ask for help (C) To schedule a meeting (D) To request vacation time</p> <p>63. What does the man's department need?</p> <p>(A) Office supplies (B) Another worker (C) More office space (D) New computers</p> <p>64. What will the man probably do later today?</p> <p>(A) Finalize the budget (B) Place an advertisement (C) Conduct an interview (D) Cancel a subscription</p>	<p>62. Tại sao người đàn ông lại đến văn phòng của người phụ nữ?</p> <p>(A) Để thảo luận về một báo cáo (B) Để yêu cầu giúp đỡ (C) Để sắp xếp một cuộc họp (D) Để yêu cầu thời gian đi nghỉ</p> <p>63. Văn phòng của người đàn ông cần gì?</p> <p>(A) Đồ dung văn phòng (B) Một nhân viên khác (C) Nhiều không gian văn phòng hơn (D) Các máy tính mới</p> <p>64. Người đàn ông có thể sẽ làm gì vào cuối ngày?</p> <p>(A) Chốt ngân sách (B) Đăng quảng cáo (C) Tiến hành một cuộc phỏng vấn (D) Hủy đăng kí báo</p>

<p>Questions 65-67 refer to the following conversation.</p> <p>(M-Br) ⁶⁵Is that today's newspaper, Isabella? There's an advertisement in there about a photography contest.</p> <p>(W-Am) I haven't seen it yet. What page is it on?</p> <p>(M-Br) I don't know, but it's in the Features section. ⁶⁶I was thinking you should enter that great picture you took of the buildings in New York last summer.</p> <p>(W-Am) You know, that's a good idea. Come to think of it, ⁶⁷I also have some pretty good photos from my trip to London last month.</p>	<p>Câu hỏi 65-67 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(M-Br) Đó có phải là tờ báo hôm nay không, Isabella? Trên đó có một bài quảng cáo về cuộc thi nhiếp ảnh.</p> <p>(W-Am) Tôi vẫn chưa thấy nó. Nó nằm trên trang mấy vậy?</p> <p>(M-Br) Tôi không biết nữa, nhưng nó nằm trong phần Đặc trưng. Tôi đã nghĩ rằng cô nên gửi bức ảnh mà bạn đã chụp các toà nhà ở New York năm ngoái.</p> <p>(W-Am) Anh biết đấy, đó là một ý tưởng hay. Khi nghĩ về nó, tôi cũng có một số bức ảnh khá đẹp từ chuyến đi đến Luân Đôn tháng trước.</p>
<p>65. What are the speakers discussing?</p> <p>(A) A book review (B) A magazine article (C) A newspaper advertisement (D) A travel brochure</p> <p>66. What does the man recommend that Isabella do?</p> <p>(A) Take pictures of parks (B) Visit a building (C) Enter a contest (D) Paint a portrait</p> <p>67. Where did Isabella go last month?</p> <p>(A) London (B) Paris (C) New York (D) Rome</p>	<p>65. Những người này đang bàn về điều gì?</p> <p>(A) Một sự đánh giá sách (B) Một bài báo tạp chí (C) Một quảng cáo trên báo (D) Một sách quảng cáo du lịch</p> <p>66. Người đàn ông khuyên Isabella làm gì?</p> <p>(A) Chụp ảnh các công viên (B) Tham quan một toà nhà (C) Tham gia một cuộc thi (D) Vẽ một bức chân dung</p> <p>67. Isabella đã đi đâu tháng trước?</p> <p>(A) Luân Đôn (B) Paris (C) New York (D) Rome</p>

<p>Questions 68-70 refer to the following conversation.</p> <p>(W-Am) ⁶⁸I'm doing a presentation on Wednesday for a potential client – a big construction company.</p> <p>(M-Am) So that's what you've been working so hard on this morning. What are you going to talk about?</p> <p>(W-Am) Well, they asked me to speak about solutions to structural problems in older buildings. I have a lot of papers I'm going to hand out, and ⁶⁹I still need to make copies.</p> <p>(M-Am) I've got some time. ⁷⁰Why don't I take care of that for you after lunch?</p>	<p>Câu hỏi 68-70 tham khảo đoạn hội thoại sau đây.</p> <p>(W-Am) Thứ Tư này tôi sẽ có một bài thuyết trình cho một khách hàng tiềm năng – là một công ty xây dựng.</p> <p>(M-Am) Thì ra đó là lí do mà cô làm việc chăm chỉ cả sáng nay. Cô dự định nói về vấn đề gì?</p> <p>(W-Am) Họ đã yêu cầu tôi nói về các giải pháp cho các vấn đề kết cấu trong các toà nhà cũ. Tôi có nhiều giấy tờ mà tôi định phát ra, và tôi vẫn cần phải tạo ra các bản sao.</p> <p>(M-Am) Tôi có một ít thời gian rảnh. Tôi có thể giúp cô làm việc đó sau bữa trưa được không?</p>
<p>68. What does the woman plan to do on Wednesday?</p> <p>(A) Buy a present (B) Write a report (C) Give a talk (D) Inspect a building</p> <p>69. What does the woman say she needs?</p> <p>(A) Copies of some documents (B) Sales figures for a client (C) The address of a construction company (D) The local newspaper</p> <p>70. When will the man help the woman?</p> <p>(A) This morning (B) This afternoon (C) Tomorrow morning (D) Tomorrow afternoon</p>	<p>68. Người phụ nữ dự định làm gì vào thứ Tư?</p> <p>(A) Mua một món quà (B) Viết một bài báo cáo (C) Trình bày một bài nói (D) Kiểm tra một toà nhà</p> <p>69. Người phụ nữ nói cô ấy cần gì?</p> <p>(A) Các bản sao của một số tài liệu (B) Chỉ số bán hàng cho một khách hàng (C) Địa chỉ của một công ty xây dựng (D) Tờ báo địa phương</p> <p>70. Khi nào thì người đàn ông sẽ giúp người phụ nữ?</p> <p>(A) Sáng nay (B) Chiều nay (C) Sáng mai (D) Chiều mai</p>